

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HS-ST
Ngày 14-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1973 tại quận T, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn K (chết) và bà Phan Thị T; Bị cáo có chồng Nguyễn Thanh T và 01 con sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Nhỏ đến lớn sống chung với cha, mẹ tại phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Năm 1998 chuyển đến phường P, thành phố L, tỉnh An Giang sinh sống cho đến nay.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 4 năm 2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Vũ Mạnh T1, sinh năm 1990

Cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt đề ngày 29/7/2020)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1979

Cư trú: khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt đề ngày 13/8/2020)

2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1999

Cư trú: khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970

Cư trú: khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang. Là người làm chứng. (Có mặt)

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1989

Cư trú: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Là người làm chứng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2019, Lê Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển số 67B2-174.17 đến tiệm mua bán rau củ của ông Vũ Mạch T1 tại số khóm B, phường M, thành phố L mua 02 củ su hào và nhờ bà Lê Thị N là người làm thuê cho anh T1 gọt vỏ. Lúc này, T thấy trên tủ đựng tiền đặt bên trong tiệm có để chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng của ông T1 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, T xuống xe lấy trộm chiếc điện thoại di động bỏ vào túi xách và điều khiển xe đến cửa hàng mua bán điện thoại di động H ở phường P, thành phố L cầm cho ông Trần Văn H với số tiền 700.000 đồng.

Đến khoảng 08 giờ 10 phút, ngày 31 tháng 10 năm 2019, ông T1 phát hiện điện thoại bị mất, mở camera thấy T lấy trộm nên đến Công an phường M trình báo. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường M mời T đến làm việc, T khai nhận đã thực hiện hành vi trộm điện thoại của ông T1 và nhờ ông Nguyễn Thanh T (chồng T) đến tiệm cầm đồ H chuộc lại điện thoại và mang đến Công an phường P giao nộp.

Các Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 330/KL.HĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và số 47/KL.HĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L, xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus - 16Gb, màu vàng trị giá 4.495.000 đồng; Sim điện thoại di động trả trước Mobifone, số thuê bao 0368509852, trị giá 80.000

đồng. Tổng trị giá tài sản 4.575.000 đồng.

Cáo trạng số: 68/CT-VKS, ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Lê Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: ông Vũ Mạnh T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Ngọc T khai nhận: Do cần tiền tiêu xài nên khi phát hiện chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng của ông T1 để trên tủ đựng tiền bên trong tiệm, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, lợi dụng lúc không ai chú ý bị cáo lén lút lấy chiếc điện thoại để vào túi xách và nhanh chóng bỏ đi như nội dung Cáo trạng truy tố.

Bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đã ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Vũ Mạnh T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày: Ngày 31/10/2019, ông T1 phát hiện bị mất 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, sau khi trích xuất camera tại tiệm thì biết bị cáo T là người đã lấy trộm nên đến Công an phường M trình báo. Theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/7/2020, ông T1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày: Ngày 31/10/2019, ông có cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus-64 GB, màu vàng của bị cáo T với số tiền 700.000 đồng. Sau đó, ông T đã đến chuộc lại điện thoại này. Khi cầm, ông không biết điện thoại do T phạm tội mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S trình bày: xe mô tô biển số 67B2-174.17 là của ông. Ngày 31/10/2019, ông cho bị cáo mượn xe đi chợ. Ông S đã nhận lại xe nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại cũng không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai của những người tham gia tố tụng nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đủ căn cứ xác định Lê Thị Ngọc T đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Vũ Mạnh T1, khi không ai chú ý bị cáo lén lút lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng trị giá 4.575.000 đồng bỏ vào túi xách và nhanh chóng bỏ đi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải lao động chân chính để tạo thu nhập lo cho bản thân và gia đình nhưng vì tham lam, lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động mệt nhọc, bị cáo đã lén lút lợi dụng sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để lấy trộm.

Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng:

Bị cáo có nhân thân tốt; không tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo nhất thời phạm tội, không có sự chuẩn bị trước; có nơi cư trú rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng; đồng thời, theo hồ sơ khám chữa bệnh của bị cáo tại Bệnh viện đa khoa Hạnh Phúc thể hiện sức khỏe bị cáo không tốt, đã và đang điều trị do rối loạn tiền đình, viêm dạ dày, hạ kali máu, thiếu máu mạn mức độ nhẹ, rối loạn lo âu (Bút lục 113 và 114) và trong thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, cuộc sống của bị cáo đã ổn định. Để tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục chữa bệnh và góp phần phụ giúp cho gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện và phải chịu thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vũ Mạnh T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xét đến.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 136; Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 8 năm 2020).

Giao bị cáo Lê Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKS ND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

Hà Thị Chiền